

Mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng tín dụng - kết quả thực hiện và một số đề xuất

ThS. PHẠM MỸ LINH

Học viện Ngân hàng

Từ năm 2011 tới nay, tư duy điều hành chính sách tiền tệ của Chính phủ đã có những thay đổi rõ nét với trọng tâm là ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu kinh tế, theo đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã đề ra các mục tiêu về tăng trưởng tín dụng, các biện pháp điều hành tín dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô và khả năng của hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD). Kết quả tăng trưởng tín dụng thời kỳ này thể hiện rõ xu hướng giảm so với giai đoạn trước, góp phần kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hợp lý trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn. Bài viết nhằm đánh giá những kết quả thực hiện và một số đề xuất nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng tín dụng đã đề ra.

1. Mục tiêu và các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng ngành Ngân hàng

Từ năm 2011 cho tới nay, tư duy điều hành chính sách tiền tệ của Chính phủ đã có những thay đổi rõ nét với trọng tâm là ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu kinh tế. Theo đó, NHNN cũng đã điều hành chính sách tiền tệ theo hướng kiểm soát lạm phát, duy trì tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý. Về chính sách tín dụng, NHNN đã đề ra các mục tiêu về tăng trưởng tín dụng, các biện pháp điều hành tín dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô và khả năng

của hệ thống TCTD, góp phần đáp ứng mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tập trung các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế ưu tiên. NHNN đã được thực hiện 6 giải pháp chủ yếu nhằm đạt mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng tín dụng gồm:

- Định hướng và kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng phù hợp với mục tiêu kinh tế vĩ mô: Dựa vào kế hoạch tốc độ tăng trưởng tín dụng cả năm của ngành Ngân hàng, các TCTD giao kế hoạch tăng trưởng theo quý và năm cho các chi nhánh, sở giao dịch và gửi báo cáo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi có chi nhánh hoạt động.

- Phân nhóm và giao chỉ tiêu tăng trưởng



tín dụng cho các TCTD dựa trên tình hình hoạt động, tài chính an toàn, lành mạnh và năng lực của từng tổ chức.

- Yêu cầu toàn ngành Ngân hàng tích cực triển khai hiệu quả công tác xử lý nợ xấu, tạo môi trường thuận lợi cho xử lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu phát sinh, góp phần tạo điều kiện cho hệ thống TCTD tiếp tục cấp tín dụng cho nền kinh tế.

- Tăng cường phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Bộ Công thương, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp... nhằm nắm bắt khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ cụ thể, phù hợp đối với từng lĩnh vực, đặc biệt là xử lý hàng tồn kho trên cơ sở mở rộng tín dụng cho doanh nghiệp.

- Điều chỉnh giảm mặt bằng lãi suất, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận tín dụng và tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện mở rộng tín dụng đối với các đối tượng chính sách gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo, và các đối tượng chính sách khác nhằm bảo đảm mục tiêu giảm nghèo bền vững, thực hiện công tác an sinh xã hội.

2. Kết quả tăng trưởng tín dụng của hệ thống Ngân hàng

Sau hơn 3 năm triển khai quyết liệt, đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp trên, diễn biến tăng trưởng tín dụng đã bám sát hơn với định hướng điều hành của NHNN. Tăng trưởng tín dụng thời kỳ này thể hiện rõ xu hướng giảm so với giai đoạn trước nhưng đã góp phần quan trọng trong kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hợp lý trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn.

Bảng 1. Diễn biến tăng trưởng tín dụng, lạm phát và tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2006- 2013

Đơn vị tính: %

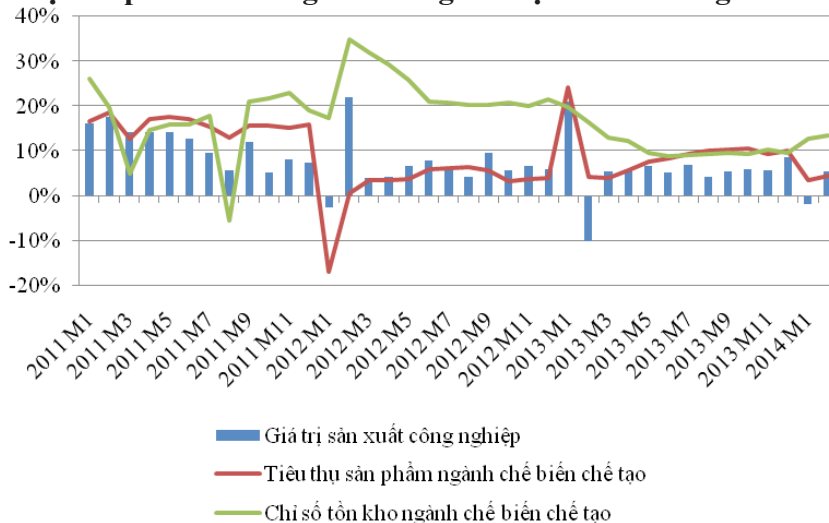
Năm	Tăng trưởng tín dụng		Lạm phát		Tăng trưởng kinh tế	
	Mục tiêu	Kết quả	Mục tiêu	Kết quả	Mục tiêu	Kết quả
2006	18-20	25,44	<8,0	6,60	8	6,98
2007	17-21	53,89	<8,0	12,60	8,2-8,5	7,13
2008	30,00	25,43	<10,0	19,90	7	6,18
2009	21-23	37,53	<15,0	6,52	5	5,32
2010	25,00	31,86	<7-8	11,75	6,5	6,78
2011	20,00	14,31	<7,0	18,13	7-7,5	6,89
2012	8-10	8,76	<8,0	6,81	6-6,5	5,03
2013	12	12,51	<6-7	6,6	5,5	5,42

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước

Diễn biến tăng trưởng tín dụng thời gian này có một số điểm nổi bật như sau:

Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng tín dụng thấp hơn nhiều so với giai đoạn trước. Tốc độ tăng trưởng tín dụng năm 2011, 2012, 2013 lần lượt là 14,31%, 8,76% và 12,51%, tương ứng bằng ¼ đến ½ tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2006- 2010. Diễn biến này xuất phát từ cả 2 phía cung và cầu vốn. *Về phía người đi vay (phía cầu)*, đại diện là các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, khả năng hấp thụ vốn giảm đi rõ rệt. Do thiếu đầu tư vào công nghệ và nhân lực, khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam ngày càng giảm, hệ số ICOR tăng dần trong tất cả các

Hình 1. Diễn biến giá trị sản xuất công nghiệp, chỉ số tiêu thụ sản phẩm và hàng tồn kho giai đoạn 2011- tháng 2/2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê



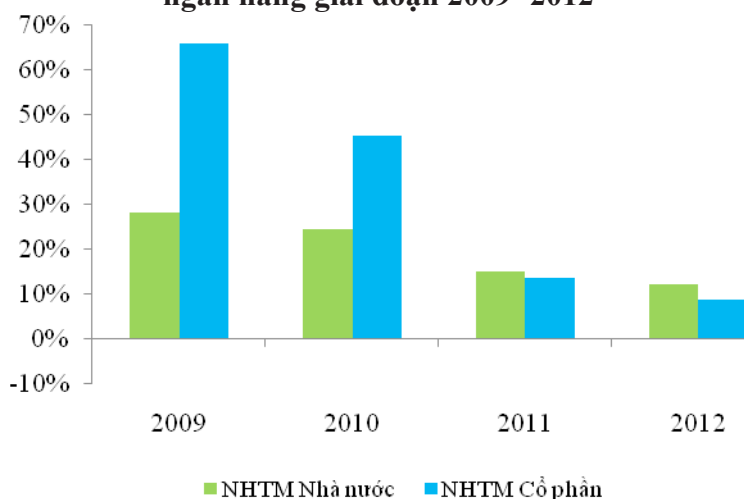
khu vực kinh tế. Thêm vào đó, sức cầu hàng hóa yếu, hàng hóa ứ đọng do nền kinh tế tiếp tục đà suy thoái, tình trạng nợ đọng vốn lẫn nhau ngày càng trầm trọng, đa phần các doanh nghiệp không vay vốn ngân hàng để mở rộng sản xuất kinh doanh.

Về phía bên cho vay (phía cung), chất lượng tín dụng thấp thể hiện ở quy mô và tỷ lệ nợ xấu tăng cao là nguyên nhân chính khiến các TCTD thắt chặt cho vay. Các ngân hàng phải tăng trích lập dự phòng rủi ro, sử dụng dự phòng để xóa một lượng lớn những khoản nợ không có khả năng thu hồi. Do vậy, các ngân hàng có tâm lý thận trọng trước rủi ro tín dụng gia tăng và thực hiện siết chặt các điều kiện tín dụng, hạn chế các khoản vay mới, từ đó làm giảm tốc độ tăng trưởng tín dụng.

Thứ hai, hoạt động cấp tín dụng rất khó khăn vào giai đoạn đầu năm (tăng trưởng âm trong quý 1), tăng trở lại từ quý 2 và tăng mạnh vào thời điểm cuối năm. Do đặc điểm truyền thống của Việt Nam, tết cổ truyền vào quý 1 nên nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh tạm ngừng, nhu cầu sử dụng vốn của các doanh nghiệp không lớn. Thêm vào đó, do lực cầu vốn yếu nên tăng trưởng tín dụng nhìn chung gặp nhiều cản trở. Tuy vậy, vào thời điểm cuối năm, ngoài việc nhu cầu vay của các doanh nghiệp tăng lên, các ngân hàng còn đẩy mạnh cho vay nhằm đạt được chỉ tiêu đề ra từ đầu năm, và đặc biệt là lập được một tỷ lệ tăng trưởng cao, số dư nợ tuyệt đối lớn, tạo cơ sở tốt để tính toán chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho năm tiếp theo. Đây chính là tình trạng tăng tín dụng ảo trong hệ thống Ngân hàng Việt Nam. Các chính sách tín dụng được nới lỏng để thu hút các khách hàng vay vốn tạo điều kiện để nợ xấu phát sinh trong tương lai, ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Thứ ba, tăng trưởng tín dụng có sự đóng góp của hoạt động đầu tư trái phiếu Chính phủ và cho vay trên thị trường liên ngân hàng. Trong bối cảnh rủi ro tín dụng truyền thống gia tăng, thắt chặt cấp tín dụng và thay vào đó là tài trợ cho

Hình 2. Diễn biến tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng giai đoạn 2009- 2012



Nguồn: NHNN

ngân sách thông qua việc đầu tư vào trái phiếu Chính phủ là một giải pháp được các TCTD triển khai tích cực. Trong năm 2012, lượng trái phiếu Chính phủ được phát hành trên thị trường sơ cấp đạt 156,544 nghìn tỷ đồng, vượt kế hoạch điều chỉnh năm 2012 là 135 nghìn tỷ đồng, gần gấp đôi lượng trái phiếu Chính phủ phát hành trong năm 2011 là 81,715 nghìn tỷ đồng. Số lượng thành viên tham gia thị trường là các ngân hàng thương mại (NHTM) tăng từ 17 lên 24 thành viên. Sang năm 2013, giá trị trái phiếu Chính phủ phát hành thành công đạt tới 194,8 nghìn tỷ đồng với số lượng thành viên là NHTM tăng lên 25 thành viên.

Bên cạnh đó, tình trạng các TCTD cho vay lẫn nhau trên thị trường liên ngân hàng thay vì sử dụng vốn huy động để cho vay lại với nền kinh tế diễn ra phổ biến. Chỉ khi NHNN ban hành Thông tư số 21/2012/TT-NHNN Quy định về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thị trường liên ngân hàng mới đi vào ổn định và tỷ trọng cho vay trên thị trường liên ngân hàng trên tổng dư nợ tín dụng mới giảm xuống.

Thứ tư, tốc độ tăng trưởng tín dụng đã dần đồng đều giữa hai nhóm NHTM Nhà nước và NHTM cổ phần nhưng hệ thống NHTM Nhà nước và Nhà nước nắm cổ phần chi phối vẫn có sự ổn định hơn so với nhóm các NHTM cổ phần. Từ năm 2010 trở về trước, nhóm NHTM cổ phần



ghi nhận tốc độ tăng trưởng tín dụng cao vượt bậc, lên tới 40-60% so với mức 25% của nhóm NHTM Nhà nước. Tuy nhiên sau đó, sự chênh lệch này đã giảm dần khi tốc độ tăng trưởng tín dụng của nhóm NHTM cổ phần giảm sút mạnh mẽ còn 13,42% năm 2011 và 8,7% năm 2012 trong khi nhóm NHTM Nhà nước giảm ít hơn, xuống 15% năm 2011 và 11,89% năm 2012.

Diễn biến kết quả tăng trưởng tín dụng của hệ thống NHTM cũng cho thấy đa phần các ngân hàng đều không hoàn thành kế hoạch tăng trưởng tín dụng đề ra đầu năm trong kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cho dù các ngân hàng đã điều chỉnh kế hoạch tăng trưởng tín dụng xuống mức thấp hơn nhiều so với giai đoạn trước, nhưng trước thực trạng tổng cầu của nền kinh tế và nhu cầu tín dụng suy giảm, cộng thêm mức độ ngại chấp nhận rủi ro gia tăng, khả năng chấp nhận rủi ro của hệ thống giảm thì việc tìm kiếm đầu ra cho tín dụng vẫn luôn là một bài toán khó.

3. Đề xuất thúc đẩy tăng trưởng tín dụng thời gian tới

Năm 2014 được coi là năm bản lề trong việc hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế, tài chính quan trọng của đất nước như tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011- 2015, cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011- 2015. Theo đó, nhiệm vụ của NHNN và ngành Ngân hàng trong năm 2014 là khá nặng nề. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 về Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014, Chính phủ đã chỉ đạo NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương thực hiện rất nhiều nhiệm vụ, trong đó nhấn mạnh *mở rộng tín dụng gắn với kiểm soát, nâng cao chất lượng tín dụng; tập trung xử lý nợ xấu, trích lập dự phòng rủi ro, cơ cấu lại nợ, hạn chế nợ xấu gia tăng*.

Triển khai Nghị quyết trên, Chỉ thị số 01/CT-NHNN về Tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả năm 2014, Thống đốc NHNN đã đề ra mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát riêng cho toàn

Ngành. Bên cạnh các nhiệm vụ như điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô... thì chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng được đặt ra là 12-14%.

Tính đến hết quý I/2014, tăng trưởng tín dụng đã thoát khỏi tăng trưởng âm, đạt 0,01%, tháng 3 tăng 1,35% so với tháng 2. Điều này phù hợp với xu hướng tăng trưởng tín dụng của những năm trước, nhưng cũng cho thấy tín hiệu tích cực do thời gian tăng trưởng âm được rút ngắn. Nguồn vốn huy động của các TCTD vẫn tăng trưởng dù lãi suất huy động giảm. Các giải pháp xử lý nợ xấu cũng đang được VAMC và các TCTD đẩy mạnh triển khai, tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng còn 3,57% vào tháng 12/2013¹. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ thị trường, khôi phục nền kinh tế của Chính phủ đã dần thể hiện những hiệu quả nhất định; thị trường bất động sản đang ấm lên nhờ các gói hỗ trợ với tổng giá trị tới hàng trăm nghìn tỷ đồng kéo theo sự phục hồi của các doanh nghiệp trong các ngành liên quan; GDP quý I/2014 tăng 4,96% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức 4,76% của quý I/2013 và 4,75% của quý I/2012. Những con số này cho thấy tình hình tín dụng của nền kinh tế đang có những dấu hiệu khả quan, mục tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm sẽ không đáng lo ngại.

Tuy vậy, trong bối cảnh nền kinh tế còn khó khăn, nợ xấu đã phần nào được xử lý nhưng chưa triệt để, tỷ lệ nợ xấu còn cao, sức cầu hàng hóa yếu, khả năng hấp thụ vốn của các doanh nghiệp thấp, tăng trưởng tín dụng đạt được nhờ hoạt động đầu tư trái phiếu Chính phủ, để đạt được mục tiêu đề ra thì vẫn cần sự nỗ lực rất lớn từ phía Chính phủ, hệ thống TCTD và doanh nghiệp Việt Nam. Theo đó, Chính phủ, NHNN, các TCTD và các doanh nghiệp cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, về phía cung tín dụng

- *Xử lý và kiểm soát nợ xấu gắn với cơ cấu lại hệ thống TCTD*. Bên cạnh những biện pháp đã được đề cập trong Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011- 2015, NHNN cần chỉ đạo xử lý những vấn đề bất cập trên cả hai phía tài

¹ Giai đoạn 2011- 2013, thời điểm tỷ lệ nợ xấu cao nhất là 4,93% vào tháng 9/2012.



sản có và tài sản nợ của bảng cân đối tài sản. *Về cơ cấu lại tài sản nợ*, toàn hệ thống cần tập trung cơ cấu lại nguồn vốn huy động, bảo đảm một tỷ trọng hợp lý nguồn vốn có tính chất ổn định và dài hạn. Các ngân hàng cần nghiên cứu phát triển các sản phẩm huy động tiền gửi và các công cụ nợ phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô và nhu cầu của khách hàng, ví dụ như: sản phẩm tiền gửi với lãi suất thả nổi và phần bù rủi ro thanh khoản phù hợp, sản phẩm huy động tiền gửi đi kèm các dịch vụ ngân hàng không sử dụng tiền mặt nhằm tạo sự ổn định của lượng tiền gửi. *Về cơ cấu lại tài sản có*, các TCTD cần cơ cấu lại và phân loại các khoản nợ theo đúng quy định của NHNN và theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN nhằm xác định chính xác tình trạng nợ xấu, tạo tiền đề quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch xử lý nợ xấu hàng năm và đến năm 2015. Các TCTD cần lựa chọn phương thức xử lý nợ xấu phù hợp như thanh lý tài sản bảo đảm, sử dụng dự phòng rủi ro để xóa nợ, hoặc bán khoản nợ cho những tổ chức có khả năng cơ cấu lại nợ, xử lý nợ chuyên nghiệp trên cơ sở tận dụng tối đa các nguồn lực có thể huy động được. Quy trình xử lý nợ xấu phải gắn với quá trình tái cơ cấu lại hệ thống TCTD, hạn chế nợ xấu phát sinh và bảo đảm thanh khoản, tạo sự an toàn, tránh nguy cơ đổ vỡ hệ thống. Ngoài ra, cần tăng cường sự minh bạch về nợ xấu tại các TCTD, thực hiện kiểm tra sát sao các TCTD nhằm bảo đảm hiệu quả công tác xử lý nợ xấu từ phía cơ quan quản lý Nhà nước cũng như thúc đẩy các TCTD tích cực triển khai các biện pháp xử lý nợ xấu.

- *Nâng cao chất lượng tín dụng của hệ thống các TCTD*. Việc mở rộng tín dụng trên cơ sở bảo đảm chất lượng tín dụng, cơ cấu lại nguồn vốn của hệ thống doanh nghiệp nhằm giảm tình trạng cơ cấu vốn thiếu hợp lý của các doanh nghiệp, đồng thời chủ động kiểm soát không để nợ xấu gia tăng, gây mất an toàn cho hệ thống và giảm thiểu nguy cơ lạm phát. Theo đó, ngành Ngân hàng cần khuyến khích tăng trưởng tín dụng từ phía cầu và giảm mức độ rủi ro tín dụng ngay từ khi thẩm định, quyết định cho vay. Các gói sản phẩm tín dụng dựa trên chuỗi liên kết cần được triển khai nhằm hạn chế rủi ro tín dụng cho bản

thân khách hàng và sau đó là ngân hàng. Các TCTD cũng cần phải phát triển những công cụ bảo hiểm rủi ro phù hợp để tăng khả năng kiểm soát rủi ro. Ngoài ra, sự chỉ đạo, giám sát của NHNN là rất cần thiết trong việc cải thiện chất lượng hoạt động tín dụng của các TCTD.

Thứ hai, về phía cầu tín dụng

- *Cải thiện khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp*. Mô hình phát triển của các doanh nghiệp cần dựa trên các trụ cột gồm: Thị trường và sản phẩm mục tiêu, khoa học công nghệ, nhân lực, vốn và đất đai; trong đó yếu tố công nghệ và chất lượng lao động là điều kiện tiên quyết để các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, hấp thụ vốn để mở rộng sản xuất, kinh doanh, từ đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Các doanh nghiệp dưới sự chỉ đạo của các Bộ, cơ quan, địa phương cần chủ động chuyển dịch cơ cấu, đẩy mạnh liên kết giữa các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế; phát triển mạng sản xuất và chuỗi cung ứng các sản phẩm. Bên cạnh nỗ lực của doanh nghiệp, Chính phủ cần chỉ đạo các Bộ, ban ngành chức năng tiếp tục thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, nâng cao ý thức tiêu dùng hàng nội địa và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- *Xây dựng cấu trúc vốn phù hợp cho doanh nghiệp*. Các doanh nghiệp cần điều chỉnh lại cấu trúc nguồn vốn phù hợp theo hướng tăng tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu và trái phiếu doanh nghiệp, giảm dần sự lệ thuộc vào nguồn vốn tín dụng thương mại và tín dụng ngân hàng. Điều này giúp các doanh nghiệp không bị quá phụ thuộc vào một vài nguồn vốn, tăng cường tính tự chủ về tài chính. Theo đó, doanh nghiệp cần xem xét huy động vốn từ các nguồn khác như từ thuê tài chính; phát hành trái phiếu, cổ phiếu; nguồn vốn góp từ các quỹ đầu tư mạo hiểm; từ quỹ hỗ trợ doanh nghiệp... Một số biện pháp cơ bản cần được triển khai là: (i) Nâng cao năng lực hoạch định và quản lý cơ cấu vốn của ban lãnh đạo doanh nghiệp thông qua trang bị kiến thức cơ bản về cơ cấu vốn; (ii) nâng cao năng lực hoạch định, thực hiện và cập nhật cơ cấu vốn

xem tiếp trang 35



vi phạm.

Thứ ba, tăng cường ngăn chặn hành vi xuất khẩu hàng hóa nhằm chiếm đoạt tiền thuế GTGT, thuế TTĐB thông qua khấu trừ, hoàn thuế. Điều này sẽ góp phần tăng thêm nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu thông qua việc tăng cơ sở tính thuế khiến nguồn thu từ thuế GTGT và thuế TTĐB từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng. Do đó, giảm bớt ảnh hưởng từ cắt giảm thuế quan đối với nguồn thu của ngân sách và cơ cấu ngân sách dựa vào nguồn thu bền vững hơn.

Thứ tư, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức về vai trò, trách nhiệm trong tổ chức nguồn thu từ hoạt động này. Khi càng hội nhập sâu rộng, các đối tượng nộp thuế càng gia tăng cùng với các yếu tố nước ngoài đòi hỏi người làm công tác hải quan phải có trình độ nhất định, cũng như có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp sẽ góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách. ■

Tài liệu tham khảo

1. IMF (2013), *Fiscal Monitors, Taxing time, World economic and financial surveys*.
2. Tổng cục Hải quan (2013), *Báo cáo tổng kết thi hành Luật Hải quan giai đoạn 2002-2013*.
3. Quyết toán Ngân sách Nhà nước Việt Nam qua các năm 2006-2013.
4. Gangadha Prasad Shukla và cộng sự (2011), *Cải cách thuế ở Việt Nam: Hướng tới hệ thống thuế công bằng và hiệu quả hơn*, Ban Quản lý kinh tế và xóa đói giảm nghèo khu vực Châu Á và Thái Bình Dương.

tiếp theo trang 29

thực tế trên cơ sở so sánh với cấu trúc vốn mục tiêu; (iii) tăng cường mức độ minh bạch về thông tin của doanh nghiệp để thu hút các nguồn vốn đầu tư phù hợp, kể cả từ các quỹ đầu tư mạo hiểm nếu phù hợp với chiến lược phát triển của doanh nghiệp; (iv) nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thực hiện nghiêm túc các cam kết với nhà tài trợ vốn...

Thứ ba, về giải pháp mang tính hỗ trợ. Chính phủ và các Bộ, ban ngành cần chỉ đạo, nỗ lực hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường

cạnh tranh bình đẳng, xóa bỏ tình trạng độc quyền doanh nghiệp, các cơ chế chính sách bất bình đẳng trong kinh doanh và cải cách hành chính; từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống doanh nghiệp Việt Nam, khơi thông nguồn vốn tín dụng trong các TCTD, đẩy mạnh đầu tư góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước. Bên cạnh đó, các nhiệm vụ nhằm tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế cũng cần được các Bộ, ngành nỗ lực thực hiện, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế bao gồm cả hệ thống TCTD và doanh nghiệp phục hồi và phát triển. ■

Tài liệu tham khảo

1. Các Nghị quyết của Chính phủ và Chỉ thị của NHNN.
2. Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên của các NHTM.
3. Học viện Ngân hàng (2012), *Bức tranh toàn cảnh 2011 và khuyến nghị chính sách 2012*.
4. Học viện Ngân hàng (2013), *Bức tranh toàn cảnh 2012 và khuyến nghị chính sách 2013*.
5. Học viện Ngân hàng (2014), *Bức tranh toàn cảnh 2013 và khuyến nghị chính sách 2014*.
6. Website: Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, IMF World Economic Outlook.

tiếp theo trang 24

Nam.

3. Công ty Chứng khoán Bảo Việt (2013), *Báo cáo trái phiếu*.
4. CIEM (2013), *Đầu tư công, nợ công và mức độ bền vững ngân sách Việt Nam*.
5. Phó Thị Kim Chi, Trần Thị Kim Dung, Đỗ Văn Lâm (2013), *Hiệu quả đầu tư công Việt Nam từ các công cụ định lượng*.
6. Tô Kim Ngọc, *Bài giảng môn Tiền tệ - Ngân hàng*.
7. Website: <http://www.mpi.gov.vn/> (Bộ Kế hoạch Đầu tư); www.mof.gov.vn/ (Bộ Tài chính); www.sbv.gov.vn/ (Ngân hàng Nhà nước); www.gso.gov.vn (Tổng cục Thống kê); www.Bloomberg.com